

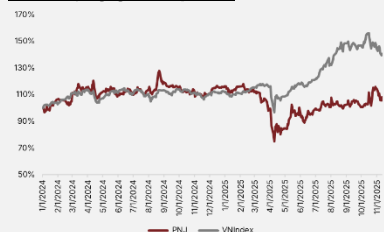
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ: HOSE)

Ngày báo cáo: 13/11/2025
Ngành: TIỂU DÙNG
TPPT: Nguyễn Trần Phương Nga
Email: ngantp@ssi.com.vn

Khuyến nghị: **MUA**
Giá mục tiêu 1Y: 109.000 VNĐ
Giá CP ngày 12/11/2025: 89.400 VNĐ
% Tăng giá: **+21,9%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 1.158
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 30.499
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 341
KLGD TB 3 tháng (triệu cp): 0,8
Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 97,4/61,8
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ): 73,9
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 49
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

PNJ là công ty bán lẻ trang sức và đá quý hàng đầu Việt Nam. Hiện nay, PNJ có mạng lưới phân phối rộng khắp với 400 cửa hàng và hơn 3.000 nhà phân phối trên cả nước. Ngoài việc kinh doanh vàng miếng, PNJ tập trung vào 5 mảng trang sức chính (i) CAO: Chế tác nữ trang cao cấp nhằm tới nhóm KH là nữ doanh nhân thành đạt, (ii) PNJ Gold: nhằm tới đối tượng KH nữ trên 30 tuổi, (iii) PNJ Silver: nhằm tới đối tượng KH các cô gái trẻ và giới văn phòng, (iv) Style by PNJ: đáp ứng nhu cầu trang sức và phụ kiện của thanh thiếu niên với mức giá thấp. Các phân khúc bán lẻ, bán buôn và vàng miếng đóng góp lần lượt 58%, 9% và 32% vào tổng doanh thu năm 2023, trong đó phân khúc bán lẻ chiếm phần lớn lợi nhuận ròng của PNJ.

Định giá hấp dẫn với triển vọng tăng trưởng dài hạn

- KQKD 3Q25:** Doanh thu và lợi nhuận sau thuế (LNST) lần lượt đạt 8,1 nghìn tỷ đồng (+14% svck) và 496 tỷ đồng (+130% svck).
- Nghị định 232/2025/NĐ-CP** được ban hành giúp nới lỏng nút thắt về nguồn cung, mở ra cơ hội tăng trưởng dài hạn cho thị trường vàng.
- Nâng giá mục tiêu 1 năm lên 109.000 đồng/cp (từ 97.500 đồng/cp) và duy trì khuyến nghị MUA.**

Luận điểm đầu tư:

PNJ có vị thế thuận lợi để tận dụng sự thay đổi về chính sách đối với thị trường vàng Việt Nam. Doanh số bán lẻ tăng trưởng chậm ở mức +4,3% svck trong Q3/25, phản ánh nhu cầu tiêu dùng yếu trong bối cảnh giá vàng duy trì ở mức cao và nguồn cung hạn chế. Trong thời gian tới, giá vàng được kỳ vọng tiếp tục tăng đến năm 2026, nhờ đồng USD yếu, rủi ro địa chính trị leo thang và nhu cầu mua vàng từ các ngân hàng trung ương. Mặc dù điều này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu trang sức, PNJ có khả năng gia tăng thị phần nhờ đảm bảo được nguồn cung vàng ổn định hơn.

Nghị định 232/2025/NĐ-CP vừa được ban hành cho phép doanh nghiệp tư nhân được sản xuất vàng miếng và nhập khẩu vàng nguyên liệu, qua đó giảm bớt căng thẳng nguồn cung. PNJ đã đáp ứng các tiêu chí chính và đang chuẩn bị hồ sơ xin hạn ngạch nhập khẩu vàng, với thời hạn nộp cuối là ngày 15/11 và kết quả phân bổ dự kiến được công bố trước 15/12 hàng năm. Khi được cấp phép, doanh nghiệp sẽ tận dụng khuôn khổ pháp lý mới để thúc đẩy doanh số bán vàng và trang sức.

Mảng bán lẻ và kinh doanh vàng miếng dự kiến cải thiện sau khi được phân bổ hạn ngạch nhập khẩu vàng, do đó chúng tôi dự báo LNST năm 2026 của PNJ đạt 2,68 nghìn tỷ đồng (+10% svck), cao hơn so với mức tăng 2% svck dự kiến trong năm 2025 (loại trừ khoản chi phí bất thường năm 2024). Khi chuyển cơ sở định giá từ năm 2025 sang năm 2026, chúng tôi nâng giá mục tiêu 1 năm lên 109.000 đồng/cp (từ 97.500 đồng/cp). Với tiềm năng tăng giá là 22%, chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PNJ. PNJ đã quay lại quỹ đạo tăng trưởng lợi nhuận dương từ Q3/2025, trong khi P/E dự phóng 2026 ở mức 12,3x vẫn thấp hơn đáng kể so với trung bình lịch sử 18x, cho thấy định giá vẫn còn hấp dẫn.

	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	33.876	33.137	37.823	35.500	39.253
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	1.807	1.971	2.115	2.430	2.675
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	75,6%	9,1%	7,3%	14,9%	10,0%
EPS (VNĐ)	4.932	5.392	5.794	6.614	7.278
ROE (%)	24,7%	21,4%	20,1%	20,2%	19,5%
Nợ/VCSH	0,31	0,24	0,3	0,27	0,26
Tỷ suất cổ tức (%)	2%	2%	2%	2%	2%
P/E (x)	17,7	15,5	16,9	13,5	12,3
P/B (x)	3,4	2,9	2,9	2,4	2,1
EV/EBITDA (x)	12,5	10,7	12,3	9,1	8,1

Nguồn: PNJ, SSI ước tính

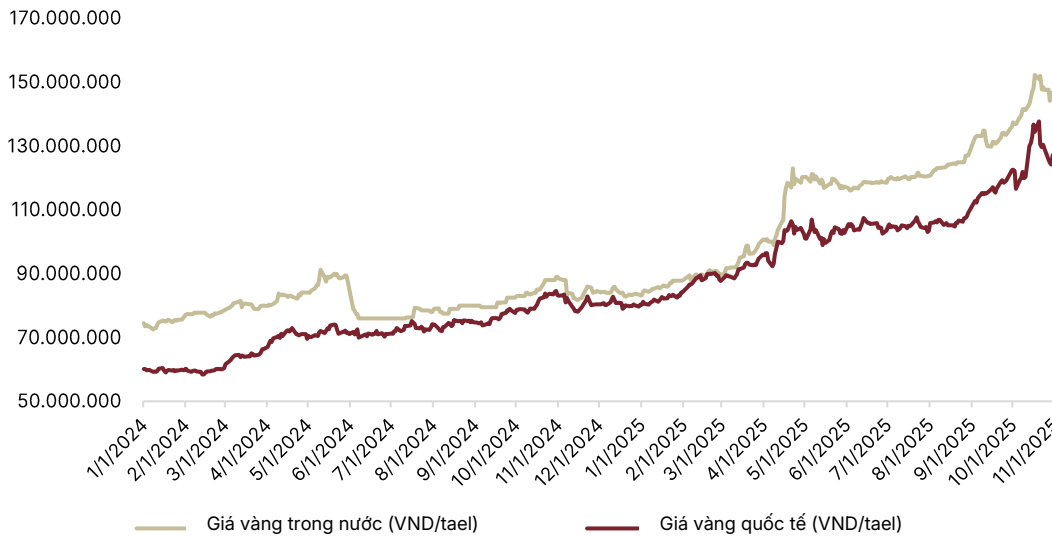
Cập nhật KQKD Q3/2025

Tỷ đồng	3Q25	3Q24	YoY	2Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q25	3Q24	2Q25	2024
Doanh thu thuần	8.135,5	7.129,6	14,1%	7.582,4	7,3%	81,2%				
Lợi nhuận gộp	1.607,2	1.250,6	28,5%	1.633,6	-1,6%		19,8%	17,5%	21,5%	17,6%
Lợi nhuận hoạt động	612,2	310,5	97,1%	571	7,2%		7,5%	4,4%	7,5%	7,0%
EBIT	649,8	324,5	100,3%	584,7	11,1%		8,0%	4,6%	7,7%	7,1%
EBITDA	670,8	344,5	94,7%	606,2	10,7%		8,2%	4,8%	8,0%	7,3%
LNTT	625,8	318	96,8%	552	13,4%		7,7%	4,5%	7,3%	7,0%
LN ròng	495,7	215,8	129,7%	441,6	12,2%	65,3%	6,1%	3,0%	5,8%	5,6%
LN ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	495,7	215,8	129,7%	441,6	12,2%		6,1%	3,0%	5,8%	5,6%

Nguồn: PNJ, SSI Research

Doanh thu phục hồi trong Q3/2025, đạt 8,1 nghìn tỷ đồng (+14% svck, +7% so với quý trước) sau 3 quý liên tiếp suy giảm.

Biểu đồ: Giá vàng



Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SSI Research

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm: Trong bối cảnh giá vàng tăng mạnh (+15% so với quý trước, +59% svck và +63% so với đầu năm), hành vi tiêu dùng có sự dịch chuyển rõ rệt từ trang sức sang vàng miếng. Điều này thể hiện qua doanh thu vàng miếng tăng vọt lên 2 nghìn tỷ đồng (+86% svck) trong Q3/2025. Ngược lại, doanh thu bán lẻ chỉ tăng nhẹ lên 5,2 nghìn tỷ đồng (+4,3% svck), trong khi doanh thu bán buôn giảm còn 871 tỷ đồng (-12% svck).

Lợi nhuận ròng tăng mạnh vượt kỳ vọng, đạt 496 tỷ đồng (+130% svck, +12% so với quý trước) trong Q3/2025. Cần lưu ý rằng trong Q3/2024, PNJ đã trích lập dự phòng 200 tỷ đồng liên quan đến việc tái chế trang sức cũ. Nếu loại trừ khoản này, lợi nhuận ròng Q3/2025 thực tế tăng khoảng 19% svck, cao hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu (+14% svck). Biên lợi nhuận ròng cải thiện nhờ tận dụng hàng tồn kho giá thấp và điều chỉnh giá bán vào cuối tháng 8.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 25,4 nghìn tỷ đồng (-13% svck) và 1,6 nghìn tỷ đồng (+17% svck). Doanh thu bán lẻ và bán buôn cùng tăng khoảng 5% svck, trong khi doanh thu vàng miếng giảm mạnh -44% svck, chủ yếu do doanh thu yếu trong nửa đầu năm 2025. Tuy nhiên, doanh số vàng miếng đã cải thiện đáng kể trong Q3/2025 (+86% svck) từ mức nền thấp của cùng kỳ năm ngoái, khi đó PNJ gặp tình trạng thiếu hụt nguồn cung vàng nghiêm trọng và buộc phải tái chế trang sức cũ để thu hồi nguyên liệu vàng.

Triển vọng năm 2025-2026

Mặc dù lợi nhuận ròng của PNJ tăng mạnh (+130% svck) trong Q3/2025, kết quả này phần nào đến từ mức nền thấp của cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán lẻ chỉ tăng nhẹ 4,3% svck, phản ánh nhu cầu tiêu dùng yếu kéo dài. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tình trạng hạn chế nguồn cung nguyên liệu vàng, khi người tiêu dùng có xu hướng giữ vàng trong bối cảnh giá liên tục tăng, đồng thời nhu cầu mua mới suy giảm do giá vàng ở mức cao.

Nhiều tổ chức tài chính dự báo đà tăng của giá vàng sẽ tiếp diễn đến năm 2026 (từ mức hiện tại khoảng 4.001 USD/oz) do đồng USD suy yếu, rủi ro địa chính trị gia tăng, hoạt động mua ròng của các ngân hàng trung ương, và bối cảnh kinh tế toàn cầu bất định, những yếu tố củng cố vị thế của vàng như một tài sản trú ẩn an toàn. Trong khi giá vàng tăng cao có thể tiếp tục kìm hãm nhu cầu trang sức, PNJ vẫn có thể gia tăng thị phần nếu đảm bảo được nguồn cung vàng nguyên liệu ổn định. Với lợi thế này, công ty có thể duy trì tăng trưởng doanh thu bán lẻ ổn định trong năm 2026, ngay cả trong bối cảnh vĩ mô còn nhiều thách thức.

	Dự báo giá vàng năm 2026
JP Morgan	5.000 USD/oz vào cuối năm 2026
UBS	4.700 USD/oz vào Q1/2026
Morgan Stanley	4.400 USD/oz vào cuối năm 2026
Goldman Sachs	4.900 USD/oz vào cuối năm 2026

Nguồn: SSI tổng hợp

Khung pháp lý mới mở ra tiềm năng tăng trưởng cho doanh nghiệp tư nhân trong ngành trang sức, giảm bớt tình trạng thiếu hụt nguồn cung vàng nguyên liệu. Nghị định 232/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ tháng 10/2025) thiết lập khung pháp lý mới cho phép khu vực tư nhân tham gia vào hoạt động: (1) sản xuất vàng miếng, và (2) nhập khẩu vàng nguyên liệu phục vụ sản xuất vàng miếng và trang sức. Đây là chính sách mang tính bước ngoặt, được kỳ vọng sẽ giảm bớt tình trạng khan hiếm nguồn cung vàng trong nước, đồng thời mở ra cơ hội tăng trưởng đáng kể cho các doanh nghiệp tư nhân trong ngành vàng và trang sức. Với vị thế dẫn đầu thị trường trang sức Việt Nam, PNJ được đánh giá là doanh nghiệp hưởng lợi lớn từ chính sách này.

Theo Nghị định 232/2025/NĐ-CP, để đủ điều kiện sản xuất vàng miếng, doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Có giấy phép kinh doanh vàng hợp lệ.
2. Vốn điều lệ tối thiểu 1.000 tỷ đồng đối với doanh nghiệp và 50.000 tỷ đồng đối với ngân hàng thương mại.
3. Không có vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh vàng.
4. Xây dựng và ban hành quy trình nội bộ về sản xuất vàng miếng.

Hiện PNJ đã đáp ứng hầu hết các yêu cầu chính về giấy phép, năng lực vốn và quy trình nội bộ. Doanh nghiệp đang chờ xác nhận cuối cùng của Bộ Công an liên quan đến tình trạng vi phạm hành chính, điều kiện còn lại để được công nhận đủ điều kiện hoàn toàn. Đồng thời, PNJ cũng đang chuẩn bị hồ sơ xin hạn ngạch nhập khẩu vàng nguyên liệu, với thời hạn nộp cuối là ngày 15/11 và kết quả phân bổ dự kiến được công bố trước 15/12 hàng năm. Nếu được thuận lợi phê duyệt, PNJ sẽ chính thức tham gia sản xuất vàng miếng và nhập khẩu vàng nguyên liệu, qua đó gia tăng thị phần và củng cố tăng trưởng doanh thu bán lẻ trong năm 2026.

Theo đó, chúng tôi dự báo doanh thu bán lẻ và vàng miếng của PNJ trong năm 2026 sẽ cải thiện so với năm 2025. Lợi nhuận ròng năm 2026 ước đạt 2,68 nghìn tỷ đồng (+10% svck), cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng lợi nhuận ròng 2% svck dự báo cho năm 2025 (loại trừ các khoản chi phí bất thường năm 2024).

Ước tính chi tiết như sau:

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F	Tăng trưởng svck năm 2025	Tăng trưởng svck năm 2026
Doanh thu	19.547	33.876	33.137	37.823	35.500	39.253	-6%	11%
Doanh thu bán lẻ	11.533	20.732	19.286	22.051	23.212	25.650	5%	11%
Doanh thu bán buôn	2.619	4.065	2.850	3.782	3.782	3.782	0%	0%
Doanh thu vàng miếng	4.906	8.571	10.438	11.650	8.155	9.460	-30%	16%
Doanh thu khác	489	508	563	340	351	361	3%	3%
Lợi nhuận gộp	3.598	5.927	6.059	6.672	7.156	7.834	7%	9%
Biên lợi nhuận gộp	18,4%	17,5%	18,3%	17,6%	20,2%	20,0%		
Lợi nhuận ròng	1.029	1.807	1.971	2.115	2.430	2.675	15%	10%

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	896	1.123	3.339	3.992
+ Đầu tư ngắn hạn	810	1.020	1.020	1.020
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	217	401	511	565
+ Hàng tồn kho	10.941	13.013	12.188	13.824
+ Tài sản ngắn hạn khác	96	133	142	157
Tổng tài sản ngắn hạn	12.960	15.691	17.200	19.558
+ Các khoản phải thu dài hạn	105	116	177	196
+ GTCL Tài sản cố định	883	857	869	872
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	29	65	65	65
+ Đầu tư dài hạn	4	4	4	4
+ Tài sản dài hạn khác	449	475	638	707
Tổng tài sản dài hạn	1.470	1.516	1.753	1.843
Tổng tài sản	14.430	17.207	18.953	21.401
+ Nợ ngắn hạn	4.614	5.940	6.122	6.786
Trong đó: vay ngắn hạn	2.384	3.342	3.401	3.770
+ Nợ dài hạn	9	11	10	10
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	4.623	5.950	6.133	6.797
+ Vốn góp	3.282	3.381	3.381	3.381
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.851	1.950	1.950	1.950
+ Lợi nhuận chưa phân phối	2.740	3.303	4.863	6.647
+ Quỹ khác	1.933	2.623	2.626	2.626
Vốn chủ sở hữu	9.807	11.257	12.820	14.605
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	14.430	17.207	18.953	21.401
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.479	100	2.937	1.068
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-553	-228	-108	-108
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-909	353	-613	-307
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	16	225	2.216	653
Tiền đầu kỳ	880	896	1.123	3.339
Tiền cuối kỳ	896	1.123	3.339	3.992
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,81	2,64	2,81	2,88
Hệ số thanh toán nhanh	0,42	0,43	0,8	0,82
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,37	0,36	0,71	0,74
Nợ ròng / EBITDA	0,61	0,67	0,35	-0,02
Khả năng thanh toán lãi vay	21,99	57,68	36,73	30,56
Ngày phải thu	0,7	0,7	0,7	0,7
Ngày phải trả	3,5	5,1	7,7	6,9
Ngày tồn kho	144,5	140,3	162,3	151,1
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,68	0,65	0,68	0,68
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,32	0,35	0,32	0,32
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,47	0,53	0,48	0,47
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,3	0,27	0,26
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,3	0,27	0,26

Nguồn: PNJ, SSI ước tính

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	33.137	37.823	35.500	39.253
Giá vốn hàng bán	-27.078	-31.152	-28.344	-31.418
Lợi nhuận gộp	6.059	6.672	7.156	7.834
Doanh thu hoạt động tài chính	98	77	96	184
Chi phí tài chính	-143	-95	-85	-113
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-2.836	-3.207	-3.366	-3.719
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-694	-795	-766	-846
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.485	2.652	3.035	3.339
Thu nhập khác	5	-1	4	4
Lợi nhuận ròng	1.971	2.115	2.430	2.675
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.971	2.115	2.430	2.675
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)				
EPS cơ bản (VND)	5.392	5.794	6.614	7.278
Giá trị sổ sách (VND)	29.883	33.297	37.921	43.200
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	2.608	2.698	3.123	3.456
EBITDA	2.688	2.779	3.220	3.561
Tăng trưởng				
Doanh thu	-2,2%	14,1%	-6,1%	10,6%
EBITDA	8,3%	3,4%	15,9%	10,6%
EBIT	8,4%	3,5%	15,8%	10,7%
Lợi nhuận ròng	9,1%	7,3%	14,9%	10,0%
Vốn chủ sở hữu	14,2%	14,8%	13,9%	13,9%
Vốn điều lệ	33,3%	3,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	8,3%	19,2%	10,1%	12,9%
Định giá				
PE	15,5	16,9	13,5	12,3
PB	2,9	2,9	2,4	2,1
Tỷ suất cổ tức	0,9	0,9	0,9	0,8
EV/EBITDA	2,3%	2,1%	2,2%	2,2%
EV/Doanh thu	10,7	12,3	9,1	8,1
	0,9	0,9	0,8	0,7
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18,3%	17,6%	20,2%	20,0%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	7,6%	7,0%	8,5%	8,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	5,9%	5,6%	6,8%	6,8%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	8,6%	8,5%	9,5%	9,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,1%	2,1%	2,2%	2,2%
ROE	21,4%	20,1%	20,2%	19,5%
ROA	14,2%	13,4%	13,4%	13,3%
ROIC	17,6%	16,1%	16,2%	16,0%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321